

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 11-01-2018

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Miên

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện VKSND TP.Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11-01-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 347/2016/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2016, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2017/QĐST-XX ngày 01 tháng 12 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/QĐST-HPT ngày 19-12-2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ đường B, phường M, TP.V, tỉnh B.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ đường N, phường B, TP.V, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Diệp Thị Y, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ đường B, phường M, TP.V, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ N, ấp H, xã B, huyện K, tỉnh K.

3.2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ đường B, phường M, TP.V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Buộc bà Diệp Thị Y trả ông số tiền nợ gốc là 1.479.500.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu nào khác.

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H và đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Thị T trình bày, ngày 06-02-2014, bà Diệp Thị Y và ông Nguyễn Hồng H ký kết hợp đồng vay tiền. Theo đó, bà Y vay của ông H số tiền là 1.479.500.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Sau đó, bà Y có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05-4-2016, ông H có đơn khởi kiện bà Y trả số tiền trên. Quá trình giải quyết, Tòa án chuyển vụ án sang Công an tỉnh B đồng thời đình chỉ giải quyết vụ án ngày 20-6-2016. Ngày 25-8-2016, Công an tỉnh B chuyển vụ án cho Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thẩm quyền. Ngày 09-6-2016, ông H khởi kiện lại.

Nguồn gốc của số tiền vay trên là ông H và bà Y đều tham gia hội do bà Nguyễn Thị Mỹ T làm chủ hội. Quá trình tham gia hội, bà Y nợ bà T 1.479.500.000 đồng; bà T nợ ông H số tiền 1.523.490.000 đồng nên cả 03 người thống nhất thỏa thuận, bà Y chính thức thay mặt bà T trả số nợ 1.479.500.000 đồng cho ông H. Tuy nhiên cho đến nay, bà Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông H nên ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề trên.

2. Bị đơn, bà Diệp Thị Y trình bày: Vào năm 2013, bà và ông H có tham gia chơi hội do bà T làm chủ hội. Sau đó, bà T bị bế hội. Việc bà tham gia hội với bà T và nợ tiền bà T, chồng bà là ông Nguyễn Bá T3 không biết. Do vậy, sau này bà T thường xuyên lấy lý do này để áp đảo tinh thần bà.

Nguồn gốc số tiền theo hợp đồng vay ngày 06-02-2014 là bà nợ tiền hội bà T 1.479.500.000 đồng, bị bà T đe dọa nên bà phải ký nợ với bà T. Ngay chiều hôm bà ký nợ với bà T thì bà T buộc bà phải ký Hợp đồng vay tiền ngày 06-02-2014 với ông H. Theo đó bà phải trả ông H thay bà T số tiền 1.479.500.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà đã trả cho ông H nhiều lần, với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Mỗi lần trả, ông H có ghi vào sổ nhưng ông H là người giữ sổ, bà không giữ bất kỳ giấy tờ nào về việc trả nợ cho ông H. Trong thời điểm đó, vợ ông H yêu cầu bà mang bản chính giấy tờ nhà đất đường B, phường M, TP.V, tỉnh B để vợ ông H giữ, bà không đồng ý và trả lời thẳng, đừng nói gì đến chuyện bán nhà đất của vợ chồng bà cho ông H vì bà không liên quan đến tiền nợ của ông H. Bà không có bất cứ giấy tờ, tài liệu, chứng cứ hoặc băng ghi âm, ghi hình nào chứng minh về hành vi uy hiếp của bà T, ông H và số tiền bà đã trả cho ông H 300.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông H bà không đồng ý trả nợ ông H vì bà không nợ ông H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Ông H, bà Y là người tham gia hội do bà làm chủ hội. Sau khi đây hội kết thúc, cả ba người cùng tính toán với nhau cụ thể: Bà Y còn thiếu nợ bà số tiền 1.479.500.000 đồng; bà còn thiếu nợ ông H số tiền 1.523.490.000 đồng. Do vậy, ba người thống nhất thỏa thuận, bà Y trực tiếp trả số tiền nợ của bà cho ông H là 1.479.500.000 đồng và cùng nhau ký nhận vào Giấy xác nhận nợ ngày 06-02-2014. Khi 03 người thỏa thuận, không có bất cứ sự uy hiếp, cưỡng chế hoặc đe dọa nào. Như vậy, kể từ ngày 06-02-2014, giữa bà và ông H, bà Y không liên quan đến nhau. Việc cản trừ nợ đã được các bên ký nhận bằng văn bản. Do đó, bà Y phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 1.479.500.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông H với bà Y, bà không có ý kiến và yêu cầu gì. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

3.2. Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà là vợ ông H. Số tiền bà Y vay là tài sản chung vợ chồng. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà.

4. Tại phiên tòa: Nguyên đơn xác nhận, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y đã trả 199.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông yêu cầu bị đơn trả cho vợ chồng ông số tiền 1.280.500.000 đồng

5. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.280.500.000 đồng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 06-02-2014 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015); bị đơn cư trú, sinh sống tại thành phố

Vũng Tàu, căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố V.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng và quá trình tố tụng, bà Y cung cấp địa chỉ cư trú tại nhà số 926, đường 30/4, phường 11, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau đó, bà Y thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ nhưng không thông báo cho nguyên đơn và Tòa án là vi phạm khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn cố tình dấu địa chỉ theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án niêm yết theo địa chỉ bị đơn cung cấp khi ký kết hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ T, bà Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[1.3]. Ông Nguyễn Bá T3 (chồng bà Y) không biết, không cùng bà Y tham gia hội giữa bà T, bà Y và ông H nên không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do đó, Hội đồng xét xử xác định không đưa ông T3 tham gia tố tụng với tư cách là người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Những vấn đề đương sự thống nhất.

- Nguồn gốc số tiền ông H yêu cầu bà Y trả là do ông H, bà Y tham gia hội do bà T làm chủ hội. Kết thúc hội, bà Y nợ bà T 1.479.500.000 đồng, bà T nợ ông H 1.523.490.000 đồng nên các bên lập văn bản thỏa thuận, bà Y trực tiếp trả cho ông H số tiền 1.479.500.000 đồng bằng Giấy xác nhận nợ ngày 06-02-2014.

- Cùng ngày 06-02-2014, ông H và bà Y lập Hợp đồng vay tiền có nội dung, bà Y vay ông H 1.479.500.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những tình tiết nêu trên đều được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh và Tòa coi đó là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.2]. Những vấn đề đương sự không thống nhất.

Bà Y cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, bà đã trả cho ông H số tiền là 300.000.000 đồng.

Ông H thừa nhận, bà Y trả cho ông số tiền 199.000.000 đồng

[3]. Xét về nguồn gốc số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Theo lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, nguồn gốc số tiền ông H yêu cầu bà Y thanh toán là do ông H, bà Y tham gia hội do bà T làm chủ hội. Kết thúc hội, bà Y nợ bà T 1.479.500.000 đồng, bà T nợ ông H 1.523.490.000 đồng do đó, các bên thỏa thuận, bà Y trực tiếp trả cho ông H số tiền 1.479.500.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Y đã trả tiền cho ông H, Hội đồng xét xử xét, sau khi kết thúc hội, bà Y bà T đã tính toán và xác nhận số tiền bà Y nợ tiền hội bà T, sau đó, bà T thông báo cho bà Y biết, bà T đang nợ tiền ông H nên bà T chuyển toàn bộ số nợ của của bà T cho bà Y để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Trong việc chuyển giao nghĩa vụ này, ông H là người có quyền đồng ý, bà Y là người được chuyển giao nghĩa vụ không có ý kiến gì. Sau đó một thời gian dài từ tháng 4/2014 đến đầu năm 2016, bà Y đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Sau đó, bà Y ngưng trả nợ cho ông H. Từ đó có cơ sở xác định bà Y đã đồng ý nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của bà T sang bà Y đối với khoản nợ của ông H là phù hợp Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015) nên ông H khởi kiện yêu cầu bà Y trả nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết.

[4]. Xét số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông H thừa nhận, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y đã trả được 199.000.000 đồng như lời khai của ông tại cơ quan Công an và sổ theo dõi nợ ông cung cấp cho Tòa án.

Bà Y cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y đã trả cho ông H được 300.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét, bà Y cho rằng đã trả cho ông H 300.000.000 đồng nhưng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền đã trả do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền ông H đã thừa nhận bà Y đã trả là 199.000.000 đồng nên bị đơn chưa trả cho nguyên đơn là 1.479.500.000 đồng – 199.000.000 đồng = 1.280.500.000 đồng.

Từ những phân tích phần [2], [3] và [4], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà Y phải trả cho ông H, bà T2 số tiền 1.280.500.000 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bà Y cho rằng, bà bị bà T và ông H uy hiếp, đe dọa để ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 06-02-2014 nhưng bà Y không có bất cứ giấy tờ tài liệu, chứng cứ chứng minh sự uy hiếp trên. Mặc khác, trong suốt thời gian dài từ năm 2014 đến

đầu năm 2016, bà lại tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H nghĩa là thừa nhận sự chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà T sang bà Y do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến phản bác của bà Y.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 50.415.000 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 370, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng H đối với bà Diệp Thị Y về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Diệp Thị Y phải trả cho ông Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Thị T2 số tiền nợ gốc 1.280.500.000 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Diệp Thị Y phải nộp toàn án phí dân sự sơ thẩm là 50.415.000 đồng (Năm mươi triệu, bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

- Hoàn lại 28.192.500 đồng (Hai mươi tám triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hồng H đã nộp theo biên lai số 0000472 ngày 09-9-2016 của Chi cục Thi hành án thành phố V.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR – VT;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. VT;
- Chi cục thi hành án DS TP. VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Đoàn Thế Dũng

